

Số: **2159** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **20** tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt dự án “Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 202/TTr-SKH&ĐT ngày 17/11/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030; bảo đảm thống nhất với các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh; khai thác và phát huy cao độ mọi nguồn lực để đầu tư, phát triển các tiềm năng và thế mạnh của huyện, đặc biệt tận dụng tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của huyện để phát triển, mở rộng thị trường, phát triển kinh tế hiệu quả và bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu phát triển.

a. Mục tiêu tổng quát:

Phát huy tiềm năng, lợi thế; huy động mọi nguồn lực phấn đấu đưa Bạch Thông trở thành huyện có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao của tỉnh Bắc Kạn và trình độ khá trong khu vực Trung du miền núi phía Bắc, với cơ cấu kinh tế đến năm 2020 theo hướng Nông lâm nghiệp thủy sản - Thương mại, du lịch, dịch vụ - Công nghiệp và xây dựng; đến năm 2030 theo hướng Thương mại, du lịch, dịch vụ - Nông lâm nghiệp thủy sản - Công nghiệp, xây dựng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững. Phát triển văn hoá - xã hội tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế. Đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

b. Các mục tiêu phát triển cụ thể:

- *Phát triển kinh tế:*

+ *Giai đoạn 2017-2020:* Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) bình quân đạt 10,42%.

Cơ cấu GTSX đến 2020: Khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản 47,79%; dịch vụ 35,56% và công nghiệp - xây dựng 16,66%. Tỷ lệ huy động ngân sách đến năm 2020 đạt khoảng 3-5% GDP. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 45,24 triệu đồng/năm (giá thực tế).

Lương thực bình quân/người/năm đạt trên 600 kg.

+ *Giai đoạn 2021- 2030:* Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân đạt 8,51%/năm.

Cơ cấu GTSX đến 2030: Khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản 28,37%; thương mại-dịch vụ 48,78% và công nghiệp - xây dựng 22,85%. Tỷ lệ huy động ngân sách đến năm 2030 đạt khoảng 7-10% GDP. Thu nhập bình quân/người đến 2030 đạt 168,5 triệu đồng/năm (giá thực tế).

Lương thực bình quân/người/năm đạt 600 kg.

- *Phát triển xã hội:*

+ *Giai đoạn 2017-2020:* Tốc độ tăng dân số trung bình 0,9%/năm.

Đến năm 2020: Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 42,60%; 90% lao động có việc làm; tỷ lệ hộ dùng điện lưới quốc gia 100%.

Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 còn 14% (theo tiêu chí đa chiều).

Về Y tế đến năm 2020: Tỷ lệ hộ đóng BHYT 95%; 10 bác sỹ/1 vạn dân; 100% thôn bản có nhân viên y tế; 100% trạm y tế xã có bác sỹ; trên 98% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ vắc-xin; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 8%.

Về giáo dục đến năm 2020 có 23 trường đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 12 trường so với hiện nay), đạt 53,48%.

Về văn hóa, phấn đấu đến năm 2020 có trên 85% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 72% số làng, bản, tiểu khu được công nhận làng, bản, tiểu khu văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá; 35% số xã, 50% thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa (trong đó có 20% đạt chuẩn).

+ *Giai đoạn 2021- 2030:* Tốc độ tăng dân số trung bình 0,9%/năm.

Đến năm 2030: Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 72,11%; 95% lao động có việc làm ổn định; tỷ lệ hộ dùng điện lưới quốc gia 100%.

Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2030 còn 5% (theo tiêu chí đa chiều).

Về y tế đến năm 2030: Tỷ lệ hộ đóng BHYT 100%; trên 10 bác sỹ/1 vạn dân;

100% thôn, bản có nhân viên y tế; 100% trạm y tế xã có bác sỹ. Trên 98% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ vắc-xin; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 5%.

Về giáo dục, đến năm 2030 số trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 70% tổng số trường (khoảng 30-31 trường).

Về văn hóa, đến năm 2030 có 90% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; trên 90% số làng, bản, tiểu khu được công nhận làng, bản, tiểu khu văn hóa; trên 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá; 100% số xã có nhà văn hóa đạt chuẩn, 100% thôn bản, tổ dân phố có nhà văn hóa (trong đó 50% đạt chuẩn).

- *Bảo vệ môi trường:*

+ *Đến năm 2020:* Độ che phủ rừng đạt 77%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 95%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải 100% (khu vực thị trấn, thị tứ) và 80% rác thải khu vực nông thôn.

+ *Đến năm 2030:* Độ che phủ rừng năm 2030 ổn định 78%; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 98-100%; tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải 100% (khu vực thị trấn, thị tứ) và 95% rác thải khu vực nông thôn.

Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của địa phương được bảo tồn và tôn tạo.

Quản lý tốt môi trường để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- *Về xây dựng nông thôn mới và hợp tác xã kiểu mới:*

Phấn đấu đến năm 2020: Có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 29,41% tổng số xã và 35 hợp tác xã kiểu mới hoạt động có hiệu quả.

Đến năm 2030: 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và có 50 hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả.

- *Về đảm bảo an ninh - quốc phòng:*

Xây dựng quốc phòng vững mạnh, đảm bảo ổn định vững chắc an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tạo bước chuyển biến rõ rệt về trật tự, an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực.

a. Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GTSX của ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2017-2020 đạt 7,41%/năm và giai đoạn 2021-2030 đạt 3%/năm. Phát triển sản xuất các loại nông sản sạch, chất lượng cao. Hình thành các vùng nông lâm sản chuyên canh, tập trung hàng hóa. Tăng nhanh tỷ trọng sản xuất chăn nuôi trên cơ sở lợi thế về chăn nuôi đại gia súc. Chú trọng nâng cao tỷ trọng các nhóm cây ăn quả (cam, mơ vàng), cây công nghiệp, trồng rừng có giá trị kinh tế cao là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, tăng nhanh giá trị sản xuất/ha đất nông nghiệp. Gắn sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

- *Phát triển nông nghiệp:*

+ Ngành trồng trọt: Thâm canh sản xuất lương thực với các giống mới có năng suất cao: Phần đầu lúa 52 tạ/ha (năm 2020), 55 tạ/ha (năm 2030) và ngô 45,6 tạ/ha (năm 2020), 46 tạ/ha (2030); tổng sản lượng lương thực 20.780 tấn (năm 2020), 21.190 tấn (2030). Phát triển mạnh các cây công nghiệp ngắn ngày (đỗ tương, thuốc lá) và cây có giá trị kinh tế (chè, hồi) có thể mạnh, trên cơ sở sử dụng giống mới và kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung để cung cấp sản phẩm cho các vùng dân cư tập trung như thị trấn, thành phố các loại rau, đậu theo hướng sạch. Tập trung phát triển các loại cây ăn quả có lợi thế đã có chỉ dẫn địa lý như cam, quýt 1.480 ha (năm 2020), 1.800 ha (năm 2030); mơ vàng 150 ha (năm 2020), 240 ha (năm 2030); hình thành các vùng quả tập trung với lượng sản phẩm lớn để hình thành thị trường đầu mối ổn định. Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng để nâng cao hiệu quả sử dụng đất rừng như ba kích, đương quy, hà thủ ô đỏ 20 ha (năm 2020), 30 ha (năm 2030).

+ Ngành chăn nuôi: Tăng quy mô đàn trâu, bò thịt, dê, lợn, gia cầm. Dự kiến đàn trâu, bò đạt 6.200 con (năm 2020), 8.150 con (năm 2030); đàn dê 4.000 con (năm 2020), 10.000 con (năm 2030); đàn lợn 32.300 con (năm 2020), 43.900 con (năm 2030); đàn gia cầm 215.000 con (năm 2020), 320.000 con (năm 2030). Quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, đưa dần chăn nuôi ra xa khu dân cư; phát triển chăn nuôi tập trung, công nghiệp và bán công nghiệp để vừa nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi vừa đảm bảo vệ sinh môi trường. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 2.340 tấn (năm 2020) và khoảng 3.200 tấn (năm 2030).

- *Phát triển lâm nghiệp:*

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp, chuyển dịch mạnh sang phát triển rừng nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến (đồ mộc gia dụng, ván nhân tạo, ...). Bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ, đặc dụng để bảo tồn và phục vụ phát triển du lịch dịch vụ.

+ Trong 4 năm tới trồng mới trên 2.000 ha cả diện tích tập trung và phân tán. Nâng độ che phủ rừng từ đạt 77% năm 2020 và 78% năm 2030. Trồng thay thế 100% các diện tích rừng sản xuất đến kỳ khai thác.

+ Sản phẩm lâm nghiệp chủ yếu đến năm 2020: 200 nghìn m<sup>3</sup> gỗ tròn, 20 nghìn ste củi, 500 tấn lâm, đặc sản khác....; đến năm 2030: 250 nghìn m<sup>3</sup> gỗ tròn, 24 nghìn ste củi, 1.000 tấn lâm, đặc sản khác....

- *Phát triển thủy sản:*

Tận dụng các ao hồ, mặt nước để phát triển thủy sản. Năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản ao, hồ 120 ha; sản lượng thủy sản đạt khoảng 380 tấn. Định hướng năm 2030, diện tích nuôi trồng thủy sản ao, hồ ổn định 120-130 ha; sản lượng thủy sản đạt khoảng 520 tấn.

b. *Phát triển công nghiệp – xây dựng:*

Phần đầu tốc độ tăng trưởng GTSX của ngành công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2017-2020 đạt 11,18%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 12%. Thu hút lao động đạt 14% năm 2020, định hướng đến năm 2030 là 17%.

*- Công nghiệp:*

Tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế: Phát triển chế biến gỗ, đồ gỗ gia dụng là thế mạnh của huyện cần ưu tiên đầu tư; sản phẩm chủ lực gồm: Đồ mộc gia dụng, đồ gỗ xuất khẩu, ván ép, gỗ công nghiệp. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư chế biến nông sản: Sơ chế và tinh chế các nông sản phẩm có nguồn nguyên liệu tại chỗ (đỗ tương, thuốc lá, dong giềng, một số loại hoa quả...). Chế biến các sản phẩm nông nghiệp khác: Thịt gia súc, gia cầm; bánh kẹo, nước trái cây, rượu hoa quả, thức ăn chăn nuôi ... Quy mô chế biến nhỏ và vừa nhằm tiêu thụ hết các sản phẩm dư thừa của người nông dân.

Khai khoáng và chế biến khoáng sản: Giai đoạn 2017-2020 cần tập trung xóa bỏ các cơ sở sản xuất gạch thủ công; đưa vào hoạt động mỏ đất sét Cốc Xả - xã Hà Vị - Huyện Bạch Thông; ổn định hoạt động mỏ đá vôi Nà Cà (xã Nguyên Phúc); khôi phục và nâng công suất Nhà máy luyện gang Cẩm Giàng; nâng công suất Nhà máy gạch tuynen Cẩm Giàng; đầu tư mới nhà máy gạch không nung Hà Vị (công suất 30 triệu viên/năm); ổn định sản xuất Nhà máy thủy điện Nậm Cắt 3,2 MW; xây dựng khu liên hợp công nghiệp chế biến khoáng sản tại xã Cẩm Giàng.

Sản xuất vật liệu xây dựng: Tập trung vào gạch không nung đạt 60 triệu viên (năm 2020), 90 triệu viên (năm 2030), sản xuất ngói màu khoảng 100.000 m<sup>2</sup>/năm theo quy hoạch của tỉnh.

*- Xây dựng:*

Phát triển lĩnh vực xây dựng toàn diện cả về thiết kế, thi công. Tạo điều kiện để hình thành các đơn vị xây dựng có năng lực chuyên môn và năng lực tài chính vững mạnh, đáp ứng các dự án về xây dựng trên địa bàn huyện.

Khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển thị trường bất động sản; khuyến khích nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở, công trình văn hóa phúc lợi, cơ sở hạ tầng, tuy nhiên phải quản lý đúng theo quy hoạch. Thực hiện đúng tiến độ xây dựng các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch.

c. Phát triển thương mại và dịch vụ:

Tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân giai đoạn 2017-2020 là 15%/năm; giai đoạn 2021-2030 là 12%. Thu hút lao động vào Thương mại - dịch vụ trong tổng số lao động trên địa bàn huyện đạt 13% vào năm 2020, đến năm 2030 lên 19%.

*- Thương mại:*

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ thương mại. Phấn đấu đạt tổng mức bán lẻ hàng hóa 890 tỷ đồng (năm 2020) và khoảng 1.600 tỷ đồng (năm 2030). Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân 8-9%/năm (giai đoạn 2017-2020). Thực hiện tốt quản lý chất lượng hàng hóa. Chú trọng tìm thị trường đầu ra cho các nông lâm sản hàng hóa chính của địa phương thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại (quảng cáo, hội chợ ...). Tập trung đầu tư củng cố mạng lưới chợ, giai đoạn 2017-2020: Cải tạo nâng cấp đạt chuẩn các chợ Vi Hương, Cẩm Giàng, Sỹ Bình. Quy hoạch xây dựng chợ đầu mối nông sản Quang Thuận; giai đoạn 2021-2030: Quy hoạch xây dựng siêu thị hạng II tại trung tâm thị trấn huyện, xây mới chợ xã: Vũ Muộn, Cao Sơn, Dương Phong, Đôn Phong, Mỹ Thanh (nếu thấy có điều kiện phát triển).

*- Du lịch:*

Tập trung phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Tập trung vào 2 loại hình du lịch có thế mạnh của huyện: Du lịch sinh thái - cảnh quan - nghỉ dưỡng, du lịch lịch sử - văn hóa - lễ hội. Khai thác các di tích lịch sử, cảnh quan của địa phương di tích lịch sử Nà Tu (xã Cẩm Giàng), di tích lịch sử Đồn Phủ Thông (thị trấn Phủ Thông), điểm du lịch thác Rọm (xã Quang Thuận); di tích lịch sử chiến thắng đèo Giàng... Phát huy lợi thế là cụm du lịch nằm ở trung tâm, tiếp nhận và phân phối khách đi các cụm, khu điểm du lịch khác, định hướng phát triển chính của cụm là các dịch vụ lưu trú, du lịch thương mại, vui chơi giải trí, tham quan, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, về nguồn, du lịch tâm linh...

*- Dịch vụ:*

Phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, tài chính - ngân hàng, bưu chính - viễn thông, phát thanh - truyền hình ... đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống.

d. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội:

*- Giáo dục- Đào tạo:*

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo nhằm huy động mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Rà soát sắp xếp, đầu tư phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng dạy nghề cho lao động nông thôn.

*- Y tế:*

Phát triển mạng lưới y tế theo hướng hiện đại, dự phòng tích cực và chủ động đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn huyện. Ưu tiên phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, chú trọng theo hướng xã hội hóa để có thể huy động nhiều nguồn vốn, đẩy nhanh tiến độ phát triển. Tiếp tục đưa bác sĩ về làm việc thường xuyên ở các trạm y tế xã miền núi, vùng sâu vùng xa. Thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình nhằm nâng cao chất lượng dân số của tỉnh.

*- Văn hóa, thể dục thể thao:*

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể thao, chú trọng thể thao phong trào toàn dân. Xây dựng con người văn hóa có tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa trong văn hóa, thể thao đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của người dân; thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các tầng lớp xã hội. Phát triển các môn thể thao có thế mạnh, chú ý bảo tồn duy trì các hoạt động thể thao truyền thống đặc trưng của từng dân tộc trong cộng đồng.

*- Thông tin truyền thông:*

Phát triển mạng lưới phục vụ Bưu-chính - Phát hành Báo chí: Mở rộng nâng cấp các điểm phục vụ sẵn có và phát triển thêm nhiều điểm phục vụ mới trên địa

bàn, đặc biệt tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới.

- Lao động - việc làm và các vấn đề xã hội khác:

Giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển nguồn lực con người và giải quyết việc làm cho người lao động. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững: Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo. Tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện. Thực hiện bình đẳng giới, bảo đảm bình đẳng giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội và gia đình.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng.

a. Hạ tầng giao thông:

- Các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ: Thực hiện theo quy hoạch chung của tỉnh, riêng đoạn qua các khu đô thị (cả cũ và sẽ hình thành) theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

- Đường huyện:

*Giai đoạn 2017-2020: Cải tạo và nâng cấp các tuyến:*

+ Tuyến ĐH.51: QL3B - Đôn Phong tổng chiều dài 6,5 km, nâng cấp đạt cấp V-MN; nền đường 6,5m, mặt đường 4,5m, kết cấu mặt đường nhựa.

+ Tuyến ĐH.52: Thành phố - Mỹ Thanh tổng chiều dài 4,0 km, nâng cấp đạt cấp V-MN; nền đường 6,5m, mặt đường 4,5m, kết cấu mặt đường nhựa.

*Giai đoạn 2021-2030, đầu tư nâng cấp các tuyến sau:*

+ Mở mới tuyến Vằng Bó (Đôn Phong) đi Lục Bình đạt cấp VI-MN.

+ Mở mới tuyến đường xã Nguyên Phúc - Mỹ Thanh đạt cấp VI-MN.

+ Nâng cấp và cải tạo tuyến Vi Hương (Cốc Thốc) đi Thạch Ngõ (Mỹ Phương - Ba Bể) đạt cấp VI-MN.

- Đường xã, thôn xóm:

*Đường trục thôn, liên thôn:*

*Giai đoạn 2017-2020: Làm mới 2 tuyến, tổng chiều dài 2,05 km; nâng cấp, mở rộng 31 tuyến, tổng chiều dài 56,84 km, trong đó có đường giao thông đến trung tâm các xã Mỹ Thanh, Đôn Phong, Vi Hương.*

*Giai đoạn 2021-2030: Làm mới 12 tuyến, tổng chiều dài 28,85 km; nâng cấp, mở rộng 29 tuyến, tổng chiều dài 90,65 km.*

*Đường ngõ xóm:*

*Giai đoạn 2017-2020: Nâng cấp, mở rộng 16 tuyến, tổng chiều dài 8,0 km.*

*Giai đoạn 2021-2030: Làm mới 16 tuyến, tổng chiều dài 15,32 km; nâng cấp, mở rộng 81 tuyến, tổng chiều dài 55,54 km.*

- Ngầm tràn, cầu đường bộ:

*Giai đoạn 2017-2020: Đầu tư nâng cấp 16 cầu.*

*Giai đoạn 2012-2030: Nâng cấp, cải tạo 22 cầu.*

- Bến xe: Quy hoạch xây dựng mới bến xe khách huyện Bạch Thông đạt loại 3; diện tích khoảng 5.000 m<sup>2</sup>.

- Sân bay: Giai đoạn 2021-2030 xây dựng sân bay Quân Bình, quy mô giai đoạn đầu dự kiến rộng 20,4 ha (sân bay trực thăng).

b. Hạ tầng thủy lợi:

Xây dựng mới các công trình thủy lợi nhỏ (đập phai và kênh), tiếp tục kiên cố hoá hệ thống kênh mương, nâng diện tích canh tác lúa được tưới từ 76% hiện nay lên 82% năm 2020 và khoảng 95% vào năm 2030. Đảm bảo tưới cho một số diện tích màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây ăn quả.

*Giai đoạn 2017-2020:* Đầu tư 115 hạng mục công trình:

- Làm mới 87 công trình (1 hồ chứa Nà Xôm xã Cẩm Giàng; 73 phai đập nhỏ; 13 công trình kênh mương).

- Nâng cấp cải tạo 28 hạng mục công trình (17 phai đập nhỏ; 10 công trình kênh mương và 1 trạm bơm dầu Nà Cù, xã Cẩm Giàng).

*Giai đoạn 2021-2030:* Đầu tư 81 hạng mục công trình:

- Làm mới 60 công trình (7 hồ chứa; 49 phai đập nhỏ; 4 công trình kênh mương).

- Nâng cấp cải tạo 21 hạng mục công trình (2 hồ chứa; 14 phai đập nhỏ, 1 công trình kênh mương và 4 trạm bơm tưới).

c. Hạ tầng điện:

Đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất và đời sống, tiếp tục đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp các công trình cấp điện để đến năm 2020 có 100% số hộ được dùng điện lưới quốc gia. Đảm bảo mức tiêu thụ điện thương phẩm/người/năm đạt khoảng 950 kwh (năm 2020) và khoảng 2.150 kwh (năm 2030).

- Lưới điện trung thế: Xây dựng mới các tuyến 35 KV và 22 KV cung cấp điện cho các khu vực đô thị và các cụm điểm công nghiệp.

- Lưới điện hạ thế: Cải tạo lưới điện hạ thế ở các khu dân cư; sử dụng hệ thống hạ áp 220/380V ba pha với bán kính cấp điện 200-300 m cho các khu dân cư đô thị và bán kính 500-800 m cho các khu dân cư nông thôn.

d. Hạ tầng cấp thoát nước và vệ sinh môi trường:

- *Nước sinh hoạt:*

Tỷ lệ hộ được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 95% (năm 2020) và 98-100% (năm 2030), trong đó có trên 50% số hộ được sử dụng nước sạch.

+ Cấp nước tập trung:

*Giai đoạn 2017-2020:* Sửa chữa, cải tạo 14 công trình; làm mới 3 công trình. Tổng số hộ được cấp nước sinh hoạt tập trung là 3.460 hộ.

*Giai đoạn 2021-2030:* Sửa chữa, cải tạo 11 công trình; làm mới 5 công trình. Tổng số hộ được cấp nước sinh hoạt tập trung là 4.058 hộ.

+ Cấp nước hộ gia đình: Đảm bảo cho khoảng 4.900 hộ (năm 2020) và khoảng 5.500 hộ (năm 2030).

- *Vệ sinh môi trường:*

+ *Giai đoạn 2017-2020:* Số hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 95%. Số chuồng trại được xử lý chất thải đạt 70%. Đầu tư khu tập kết và xử lý rác thải



tại các khu vực trọng điểm về môi trường như thị trấn Phủ Thông, xã Cẩm Giàng, xã Quân Bình. Cùng cố và duy trì hoạt động thường xuyên các tổ thu gom rác hiện đang thực hiện.

+ *Giai đoạn 2021-2030*: Số hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 100%. Số chuồng trại được xử lý chất thải đạt 90%. Quy hoạch khu tập kết rác thải ở tất cả các xã. Đầu tư 01 dây chuyền xử lý rác thải tập trung của huyện. Thành lập tổ thu gom rác tại tất cả các xã, thị trấn, có cơ chế duy trì hoạt động thường xuyên. Thu gom và quy hoạch hệ thống Nghĩa trang, nghĩa địa ở tất cả các xã, thị trấn.

e. Hạ tầng bưu chính viễn thông:

- Nâng cấp bưu điện trung tâm huyện; nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, đặc biệt các dịch vụ yêu cầu nhanh. Chú trọng các công nghệ mới, công nghệ lai ghép bưu chính – viễn thông – công nghệ thông tin. Nâng cấp, cải tạo hệ thống bưu điện văn hóa xã đạt chuẩn. Tỷ lệ thuê bao cố định trên 15-25 máy/100 dân. Tỷ lệ thuê bao internet băng rộng 20-25 thuê bao/100 dân.

- Từng bước thực hiện số hóa hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình; phát triển hệ thống truyền hình vệ tinh, truyền hình cáp trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, sử dụng hệ thống cáp quang ...

g. Hạ tầng thương mại – dịch vụ:

Tập trung đầu tư củng cố mạng lưới chợ trên địa bàn theo đúng kế hoạch. Sắp xếp hợp lý các chợ tự phát, kiên quyết di dời các chợ, cơ sở thương mại không phù hợp.

- *Giai đoạn 2017-2020*: Cải tạo nâng cấp đạt chuẩn các chợ: Vi Hương, Cẩm Giàng, Sỹ Bình. Quy hoạch xây dựng chợ đầu mối nông sản Quang Thuận.

- *Giai đoạn 2021-2030*: Quy hoạch xây dựng siêu thị hạng II tại trung tâm thị trấn huyện. Xây mới chợ xã: Vũ Muộn, Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Dương Phong (nếu thấy có điều kiện phát triển).

h. Hạ tầng xã hội và phúc lợi công cộng:

- *Giáo dục đào tạo*: Bố trí đủ quỹ đất cho tất cả các trường theo tiêu chuẩn ngành. Đến năm 2020 trang bị đầy đủ thiết bị dạy và học cho tất cả các trường theo quy chuẩn của ngành. Đến năm 2020, số trường đạt chuẩn là 23 trường (tăng 12 trường so với năm 2015) và định hướng đến năm 2030 số trường đạt chuẩn là trên 70% tổng số trường của huyện.

+ *Giai đoạn 2017-2020*:

Cấp Mầm non: Nâng cấp mở rộng trường Mầm non Tân Tiến.

Cấp Tiểu học: Đầu tư xây mới trường tiểu học xã Tân Tiến.

Cấp Trung học cơ sở: Đầu tư mở rộng trường Trung học cơ sở xã Quang Thuận.

Đầu tư nâng cấp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên.

+ *Giai đoạn 2021-2030*:

Cấp Mầm non: Nâng cấp trường mầm non Phương Thông. Ưu tiên đầu tư các trường nằm trong kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia của ngành Giáo dục - Đào tạo.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Bạch Thông đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ công tác đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn huyện và các vùng lân cận.

- *Y tế*: Tiếp tục củng cố và kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở. Tăng số giường bệnh của các cơ sở y tế trong huyện từ 50 giường hiện nay lên 70 giường (năm 2020) và 100 giường (năm 2030); đạt 21,1 giường bệnh/1 vạn dân (năm 2020) và 27,7 giường bệnh/1 vạn dân (năm 2030). Số bác sỹ/1 vạn dân: Tăng từ 8,6 hiện nay lên 10 (năm 2020) và định hướng đạt 10 (năm 2030); duy trì tỷ lệ xã có bác sỹ đạt 100%. Kiên cố hóa các cơ sở y tế huyện, các trạm xá xã. Nâng cấp trang thiết bị y tế theo quy chuẩn của ngành.

+ Bệnh viện đa khoa: Củng cố bệnh viện đa khoa huyện; tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị cho bệnh viện huyện đạt chuẩn.

+ Trạm y tế xã, thị trấn:

*Giai đoạn 2017-2020*: Xây mới; cải tạo Trạm Y tế xã Tân Tiến, Cẩm Giàng, thị trấn Phủ Thông, Cao Sơn. Hỗ trợ xử lý chất thải y tế tại các Trạm Y tế xã, thị trấn; nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị cho Đội y tế dự phòng huyện.

*Giai đoạn 2021-2030*: Xây mới, nâng cấp, cải tạo Trạm Y tế các xã: Hà Vị, Dương Phong... để đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Nâng cấp trang thiết bị cho các Trạm Y tế.

- *Trụ sở hành chính*:

+ *Giai đoạn 2017-2020*: Xây dựng thêm 05 trụ sở làm việc kiên cố, cụ thể các xã: Lục Bình, Cẩm Giàng, Sỹ Bình, Phương Linh, Tân Tiến.

+ *Giai đoạn 2021-2030*: Xây dựng 03 trụ sở hành chính các xã: Vi Hương, Dương Phong, Mỹ Thanh. Đầu tư đạt chuẩn cơ sở vật chất cho tất cả trụ sở hành chính các xã còn lại.

- *Văn hóa, thể thao*:

Định hướng: Đến năm 2020, huyện có sân vận động đạt chuẩn; đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa – thể thao huyện; có 6/17 xã có nhà văn hóa xã và sân vận động (hoặc sân thể thao) đạt chuẩn; có 20% số thôn bản có nhà văn hóa đạt chuẩn. Đến 2030, tất cả các xã có bưu điện văn hóa xã đạt chuẩn; tất cả các xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn và 01 sân vận động (hoặc sân thể thao) kết hợp khu vui chơi; có 50% số thôn bản có nhà văn hóa đạt chuẩn.

+ *Giai đoạn 2017-2020*: Xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao huyện Bạch Thông; sân vận động trung tâm huyện. Nâng cấp cải tạo Bưu điện văn hóa các xã: Phương Linh, Vi Hương, Sỹ Bình, Đôn Phong, Tú Trĩ, Lục Bình, Nguyên Phúc, Cao Sơn, Hà Vị, Mỹ Thanh, Quang Thuận, Dương Phong. Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa xã và sân thể thao các xã: Tân Tiến (nâng cấp sửa chữa) và Quang Thuận (xây mới). Đầu tư xây dựng 31 nhà văn hóa thôn bản đạt chuẩn.

+ *Giai đoạn 2021-2030*: Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa xã và sân thể thao các xã còn lại. Đầu tư nâng cấp xây dựng 124 nhà văn hóa thôn bản, tổ dân phố còn lại.

i. Chương trình xây dựng nông thôn mới và hợp tác xã kiểu mới:

- *Xây dựng nông thôn mới*:

Đến năm 2020 bình quân mỗi xã đạt 12,5/19 tiêu chí, trong đó 05 xã đạt các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (xã Quân Bình, xã Cẩm Giàng, xã Quang Thuận, xã Phương Linh, xã Tân Tiến); 02 xã đạt 15 đến 18 tiêu chí; 9 xã đạt từ 5 đến 14 tiêu chí. Đến năm 2030 tất cả các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- *Xây dựng hợp tác xã kiểu mới:*

Quy hoạch đến năm 2020 mỗi xã, thị trấn xây dựng được từ 2 hợp tác xã kiểu mới trở lên, ưu tiên phát triển hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; năng GTSX/ha đạt trên 100 triệu đồng; thu nhập bình quân của các thành viên hợp tác xã đạt trên 5,2 triệu đồng/người/tháng; 100% hợp tác xã tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới: Đến năm 2020, huyện Bạch Thông có 35 hợp tác xã kiểu mới; định hướng đến năm 2030 toàn huyện có 50 hợp tác xã kiểu mới.

5. Phương hướng tổ chức phát triển KTXH theo lãnh thổ.

5.1. Phát triển hệ thống đô thị, bố trí lại dân cư:

- *Thị trấn:*

Thị trấn Phủ Thông: Là trung tâm huyện lỵ, đến năm 2020 đạt đô thị loại IV; kinh tế chủ yếu gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm sản, du lịch và dịch vụ thương mại.

- *Các trung tâm kinh tế xã hội (KTXH) tiểu vùng:*

Tổ chức các cụm dân cư nông thôn theo hướng hình thành các trung tâm KTXH tiểu vùng là trung tâm của các xã. Định hướng đến năm 2020 có trung tâm KTXH tiểu vùng Cẩm Giàng: quy mô diện tích 50 ha; dân số đến 2020 là 2.200 người.

Định hướng đến năm 2030 sẽ hình thành các trung tâm KTXH tiểu vùng:

+ Trung tâm KTXH tiểu vùng Quang Thuận: quy mô diện tích 20 ha; dân số quy hoạch đến 2030 là 1.500 người.

+ Trung tâm KTXH tiểu vùng Sỹ Bình: quy mô diện tích 20 ha; dân số quy hoạch đến 2030 là 1.500 người.

+ Trung tâm KTXH tiểu vùng Lục Bình: quy mô diện tích 20 ha; dân số quy hoạch đến 2030 là 1.800 người.

5.2. Phân vùng sản xuất:

a. Phân vùng sản xuất nông lâm nghiệp:

- *Vùng sản xuất lương thực:*

+ Vùng sản xuất lúa: Tập trung ở các xã Vy Hương, Phương Linh, Tú Trĩ, Tân Tiến, Lục Bình, Hà Vị, Quân Bình và Cẩm Giàng. Diện tích quy hoạch 1.950 ha năm 2020; 1.850 ha năm 2030.

+ Vùng sản xuất ngô: Tập trung ở các xã Sỹ Bình, Vũ Muộn, Mỹ Thanh, Cao Sơn, Đôn Phong và Nguyên Phúc. Diện tích quy hoạch 695 ha năm 2020; 735 ha năm 2030.

- *Vùng sản xuất rau:* Tập trung ở các xã có thể mạnh gồm Sỹ Bình, Vũ Muộn, Phương Linh, Tú Trĩ, Cẩm Giàng, Nguyên Phúc và Quân Bình. Diện tích quy hoạch 50 ha năm 2020; 70 ha năm 2030.

- *Vùng cây ăn quả:*

+ Vùng trồng cam quýt: Tập trung ở các xã Quang Thuận, Dương Phong và Đôn Phong. Diện tích quy hoạch 1.280 ha năm 2020; 1.400 ha năm 2030.

+ Vùng trồng mơ, mận: Tập trung ở các xã Cao Sơn, Vũ Muộn và Sỹ Bình, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Hà Vị và một số thôn, bản ở Nguyên Phúc; diện tích quy hoạch 180-200 ha năm 2020 (trong đó mận 30-50 ha); 290-310 ha năm 2030 (trong đó mận 50-70 ha).

+ Vùng trồng chuối: Tập trung ở các xã Mỹ Thanh, Vi Hương. Diện tích quy hoạch 70 ha năm 2020; 100 ha năm 2030.

+ Vùng trồng lê: Tập trung ở các xã Cao Sơn, Vũ Muộn và Sỹ Bình. Diện tích quy hoạch khoảng 30 ha năm 2020; 50 ha năm 2030.

- *Vùng cây công nghiệp, cây đặc sản:*

+ Cây đậu tương: Tập trung ở các xã Sỹ Bình, Vũ Muộn, Cao Sơn, Lục Bình và Nguyên Phúc. Diện tích quy hoạch 60 ha năm 2020; 80-100 ha năm 2030.

+ Cây thuốc lá: Tập trung ở các xã Sỹ Bình, Vũ Muộn, Cao Sơn, Tú Trĩ và Nguyên Phúc. Diện tích quy hoạch 200 ha năm 2020; 250 ha năm 2030.

+ Vùng trồng hồi gồm 2 xã: Sỹ Bình và Vũ Muộn. Duy trì diện tích hiện có (200 ha).

+ Vùng trồng chè tuyết Shan gồm 2 xã: Đôn Phong và Cao Sơn. Diện tích quy hoạch 30 ha năm 2020; 50 ha năm 2030.

+ Vùng trồng dược liệu: Tập trung ở các xã Hà Vị, Cẩm Giàng, Cao Sơn, Vũ Muộn và Sỹ Bình; các loại cây dược liệu sẽ đưa vào trồng gồm cây đương quy, hà thủ ô đỏ, ba kích. Diện tích quy hoạch 20 ha năm 2020; 30 ha năm 2030.

- *Vùng rừng kinh tế:* Tập trung ở các xã Nguyên Phúc, Cẩm Giàng, Đôn Phong, Dương Phong, Quang Thuận, Lục Bình, Tú Trĩ, Phương Linh, Vy Hương (chiếm khoảng 65% tổng diện tích rừng sản xuất). Định hướng phát triển cây gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất đồ gia dụng; ngoài ra phát triển rừng nguyên liệu gỗ giấy.

- *Vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung:*

+ Phát triển đàn lợn hướng nạc ở xã Cẩm Giàng, thị trấn Phủ Thông. Quy mô đàn 2.400 con năm 2020; 3.700 con năm 2030.

+ Xây dựng vùng chăn nuôi lợn địa phương ở các xã Sỹ Bình, Cao Sơn, Vũ Muộn, Nguyên Phúc, Mỹ Thanh, Đôn Phong. Quy mô đàn 7.300 con năm 2020; 10.500 con năm 2030.

+ Phát triển đàn trâu, bò, dê gồm các xã Mỹ Thanh, Cao Sơn, Lục Bình, Vũ Muộn, Nguyên Phúc, Đôn Phong, Dương Phong, Phương Linh, Sỹ Bình. Quy mô đàn trâu, bò 3.380 con năm 2020 và 4.270 con năm 2030; đàn dê 3.400 con năm 2020 và 7.800 con năm 2030.

b. Phân vùng sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

- Cụm công nghiệp Cẩm Giàng: Nhà máy luyện gang Cẩm Giàng; Nhà máy gạch tuynen Cẩm Giàng.

- Điểm công nghiệp Sỹ Bình: Khai thác quặng sắt.

- Diêm công nghiệp Hà Vị: Mỏ đất sét Cốc Xả ( $26.940\text{m}^3/\text{năm}$ , được phép hoạt động 30 năm); nhà máy gạch tuyn nen Hà Vị (công suất 30 triệu viên/năm).

c. Tổ chức không gian phát triển văn hóa, du lịch:

Tập trung vào 2 loại hình du lịch có thể mạnh của huyện: Du lịch sinh thái - cảnh quan - nghỉ dưỡng, du lịch lịch sử - văn hóa - lễ hội. Khai thác các di tích lịch sử, cảnh quan của địa phương (di tích lịch sử Nà Tu xã Cẩm Giàng, di tích lịch sử Đồn Phủ Thông thị trấn Phủ Thông, diêm du lịch thác Rọm xã Quang Thuận, di tích lịch sử chiến thắng đèo Giàng...); kết hợp chặt chẽ và phối hợp với các địa phương khác tổ chức khai thác các "tour" du lịch tâm linh - danh thắng - di tích lịch sử.

6. Các dự án ưu tiên: *Có phụ lục kèm theo.*

7. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch.

a. Giải pháp về cơ chế, chính sách:

Vận dụng triệt để các chính sách ưu đãi; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung chính sách để thu hút khuyến khích đầu tư với sức hấp dẫn cao và phù hợp với cam kết WTO; xây dựng kết cấu hạ tầng hợp lý phục vụ cho phát triển du lịch, dịch vụ; đặc biệt quan tâm đến việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ về vốn, thuế, công nghệ, thông tin môi trường đầu tư v.v... nhằm khơi dậy các tiềm năng trong các thành phần kinh tế, nhất là khu vực công nghiệp ngoài quốc doanh, đồng thời dành một khoản kinh phí thích đáng cho công tác hỗ trợ, đầu tư và phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là ở khu vực nông thôn và các làng nghề, phát triển các ngành nghề mới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

b. Giải pháp về vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2017-2030 khoảng 21.673,063 tỷ đồng (giá thực tế), trong đó: Giai đoạn 2017-2020 là 2.586,312 tỷ đồng (517,26 tỷ đồng/năm); giai đoạn 2021-2030 là 19.086,75 tỷ đồng (3.817,35 tỷ đồng/năm).

Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư, cần có các giải pháp tích cực, đa dạng các hình thức huy động mọi nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, gồm cả vốn tín dụng; vốn của dân và doanh nghiệp; vốn thu hút từ các doanh nghiệp ngoài tỉnh; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Huy động các khai thác tối đa và có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ của Trung ương để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa bàn khó khăn. Có cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng.

c. Giải pháp về khoa-học và công nghệ:

Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, tập trung chuyên giao ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, đời sống. Đề xuất cấp thẩm quyền nghiên cứu ban hành chính sách miễn giảm thuế cho các sản phẩm áp dụng công nghệ mới.

d. Giải pháp về nguồn nhân lực:

Tạo điều kiện để cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo nghề. Thu hút và khuyến khích người có tài, ưu tiên tạo

điều kiện làm việc. Xây dựng chương trình hợp tác cụ thể về đào tạo với tỉnh và các địa phương.

e. Giải pháp về liên kết vùng:

Liên kết với các huyện về sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là các hàng hóa nông lâm sản. Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư, tăng cường liên doanh, liên kết với các địa phương khác. Tìm kiếm sự hợp tác với các doanh nghiệp lớn và thông qua đó đào tạo nguồn nhân lực của địa phương.

g. Giải pháp về thị trường:

Tích cực mở rộng thị trường mới, nhất là thị trường nông thôn. Cung cấp kịp thời các thông tin kinh tế, thị trường cho địa phương và người sản xuất, doanh nghiệp. Nâng cao năng lực dự báo thị trường, đặc biệt là dự báo trung và dài hạn. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại. Đầu tư phát triển hệ thống chợ, tụ điểm giao lưu hàng hóa.

h. Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch:

Công khai hoá Quy hoạch sau khi được phê duyệt; tuyên truyền, quảng bá, thu hút sự chú ý của toàn dân, của các nhà đầu tư. Chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch khi có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế; triển khai thực hiện Quy hoạch thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

Giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển theo Quy hoạch; cuối mỗi giai đoạn (năm 2020, 2025, 2030) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch của từng giai đoạn, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông triển khai thực hiện Quy hoạch này theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Thông giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4 (t/h);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT-HĐND tỉnh (B/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Nguyên, Việt.

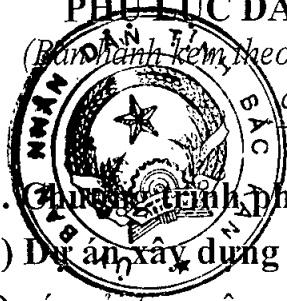
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Ly Thái Hải

## PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)



### 1. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị

#### a) Dự án xây dựng đô thị và khu dân cư

Dự án cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hạ tầng cơ sở thị trấn Phủ Thông.

#### b) Phát triển hạ tầng giao thông

- Dự án cải tạo và nâng cấp các tuyến đường tỉnh trên địa bàn huyện đạt cấp IV miền núi.

- Dự án cải tạo, nâng cấp đường các tuyến đường huyện;

- Chương trình cải tạo, nâng cấp, làm mới đường huyện: đảm bảo đến năm 2020 tất cả các tuyến đường huyện đạt cấp V-VI miền núi, các tuyến trọng điểm đạt cấp IV miền núi, mặt đường nhựa hóa. Các tuyến đường xã đạt cấp VI miền núi hoặc loại A, B giao thông nông thôn.

- Nâng cấp, cải tạo đường đến trung tâm xã Mỹ Thanh, Đôn Phong.

- Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã Vi Hương.

- Làm mới đường từ trung tâm xã Nguyên Phúc đi thôn Cư Tiên Pác Thiên.

- Nâng cấp đường Phương Linh – Vi Hương, xã Vi Hương.

- Mở mới tuyến Vằng Bó (Đôn Phong) đi Cao Lộc (Lục Bình) đạt cấp VI-MN

- Mở mới tuyến đường huyện Nguyên Phúc - Mỹ Thanh đạt cấp 6-MN

- Nâng cấp và cải tạo tuyến Cốc Thốc (Vi Hương) đi Thạch Ngoãn (Mỹ Phương - Ba Bể) đạt cấp VI-MN

- Dự án xây dựng sân bay Quân Bình, với tổng quy mô sử dụng đất khoảng 110,46 ha (theo Quyết định 1572/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt quy hoạch vị trí sân bay Quân Bình, huyện bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn).

#### c) Nâng cấp hệ thống cấp điện

Theo quy hoạch chung của ngành điện.

#### d) Cấp nước sinh hoạt và VSMT

- Dự án sửa chữa, nâng cấp CSHT cấp nước sinh hoạt xã Đôn Phong.

- Quy hoạch và xây dựng hệ thống cấp nước, thoát nước thải sinh hoạt đô thị

#### đ) Thủy lợi

- Chương trình kiên cố hóa kênh mương, cứng hóa phai đập chứa nước.

- Dự án xây dựng mới hồ thủy lợi Nà Xồm (xã Cẩm Giàng).

- Dự án đầu tư kênh mương các xã: Phương Linh (2 tuyến); xã Vi Hương (6 tuyến); xã Sỹ Bình (2 tuyến); xã Cẩm Giàng 1 tuyến; xã Quang Thuận (2 tuyến).

- Cải tạo nâng công suất trạm bơm dầu Nà Cù (xã Cẩm Giàng).

## **2. Chương trình phát triển công nghiệp và TTCN.**

- Dự án đào tạo nghề, giới thiệu nghề thủ công.
- Quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp Cẩm Giàng (sơ chế quặng, chế biến gỗ; Diện tích 20-25 ha; theo QĐ 320/QĐ-UBND ngày 25/02/2014).
- Quy hoạch, nâng cấp CSHT điểm công nghiệp Sỹ Bình (khai khoáng và sơ chế quặng. Diện tích 20 ha).
- Quy hoạch mới điểm công nghiệp Quang Thuận (chế biến nông lâm sản. Diện tích 10 ha).

## **3. Chương trình phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch**

- Dự án xây dựng chợ đầu mối nông lâm sản Quang Thuận.
- Dự án xây dựng điểm du lịch Thác Rọm, diện tích 40 ha.

## **4. Chương trình phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản**

- Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
- Chương trình khuyến nông, lâm, ngư.
- Dự án trồng rừng.
- Dự án tăng cường trang thiết bị cho công tác PCCR giai đoạn 2017-2020.

## **5. Chương trình phát triển các lĩnh vực xã hội**

- Dự án đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao huyện.
- Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải y tế tại các trạm y tế xã, thị trấn.
- Dự án nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị cho Đội y tế dự phòng huyện.
- Dự án đầu tư xây dựng trường PTDTNT huyện đạt chuẩn.
- Dự án nâng cao năng lực đào tạo trường dạy nghề huyện.